TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/DS-ST
Ngày: 28-4-2025
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh;

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1986 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa,

đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Từ năm 2022 âm lịch đến năm 2023 âm lịch, bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị D làm chủ như sau:

- Dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 15/3/2022 âm lịch, gồm 26 phần, mỗi tháng khui 01 lần tại nhà bà D tại ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre, bà H tham gia 02 phần, đã hốt 01 phần (không nợ hụi chết của bà D), còn lại 01 phần thì bà H đã đóng hụi cho bà D từ ngày 15/3/2022 âm lịch đến ngày 15/8/2023 âm lịch với số tiền tổng cộng là 14.250.000 (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, cụ thể:

+ Ngày 15/3/2022 âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

+ Ngày 15/4/2022 âm lịch, hụi khui 230.000 đồng, bà H đóng 770.000 đồng.

+ Ngày 15/5/2022 âm lịch, hụi khui 220.000 đồng, bà H đóng 780.000 đồng.

+ Ngày 15/6/2022 âm lịch, hụi khui 270.000 đồng, bà H đóng 730.000 đồng.

+ Ngày 15/7/2022 âm lịch, hụi khui 280.000 đồng, bà H đóng 720.000 đồng.

+ Ngày 15/8/2022 âm lịch, hụi khui 260.000 đồng, bà H đóng 740.000 đồng.

+ Ngày 15/9/2022 âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

+ Ngày 15/10/2022 âm lịch, hụi khui 240.000 đồng, bà H đóng 760.000 đồng.

+ Ngày 15/11/2022 âm lịch, hụi khui 230.000 đồng, bà H đóng 770.000 đồng.

+ Ngày 15/12/2022 âm lịch, hụi khui 270.000 đồng, bà H đóng 730.000 đồng.

+ Ngày 15/01/2023 âm lịch, hụi khui 260.000 đồng, bà H đóng 740.000 đồng.

+ Ngày 15/02/2023 âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

+ Ngày 15/02/2023 nhuần âm lịch, hụi khui 240.000 đồng, bà H đóng 760.000 đồng.

+ Ngày 15/3/2023 âm lịch, hụi khui 270.000 đồng, bà H đóng 730.000 đồng.

+ Ngày 15/4/2023 âm lịch, hụi khui 220.000 đồng, bà H đóng 780.000 đồng.

+ Ngày 15/5/2023 âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

+ Ngày 15/6/2023 âm lịch, hụi khui 230.000 đồng, bà H đóng 770.000 đồng.

+ Ngày 15/7/2023 âm lịch, hụi khui 280.000 đồng, bà H đóng 720.000 đồng.

+ Ngày 15/8/2023 âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 22/4/2022 âm lịch, gồm 25 phần, mỗi tháng khui 01 lần tại nhà bà D tại ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre, bà H tham gia 01 phần và chưa hốt hụi, bà H đã đóng hụi cho bà D từ ngày 22/4/2022 âm lịch đến ngày 22/8/2023 âm lịch với số tiền tổng cộng là 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng, cụ thể:

+ Ngày 22/4/2022 âm lịch, hụi khui 280.000 đồng, bà H đóng 720.000 đồng.

+ Ngày 22/5/2022 âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

+ Ngày 22/6/2022 âm lịch, hụi khui 240.000 đồng, bà H đóng 760.000 đồng.

+ Ngày 22/7/2022 âm lịch, hụi khui 260.000 đồng, bà H đóng 740.000 đồng.

+ Ngày 22/8/2022 âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

+ Ngày 22/9/2022 âm lịch, hụi khui 220.000 đồng, bà H đóng 780.000 đồng.

+ Ngày 22/10/2022 âm lịch, hụi khui 270.000 đồng, bà H đóng 730.000 đồng.

+ Ngày 22/11/2022 âm lịch, hụi khui 260.000 đồng, bà H đóng 740.000 đồng.

+ Ngày 22/12/2022 âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

+ Ngày 22/01/2023 âm lịch, hụi khui 230.000 đồng, bà H đóng 770.000 đồng.

+ Ngày 22/02/2023 âm lịch, hụi khui 240.000 đồng, bà H đóng 760.000 đồng.

+ Ngày 22/02/2023 nhuần âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

+ Ngày 22/3/2023 âm lịch, hụi khui 260.000 đồng, bà H đóng 740.000 đồng.

+ Ngày 22/4/2023 âm lịch, hụi khui 240.000 đồng, bà H đóng 760.000 đồng.

+ Ngày 22/5/2023 âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

+ Ngày 22/6/2023 âm lịch, hụi khui 270.000 đồng, bà H đóng 730.000 đồng.

+ Ngày 22/7/2023 âm lịch, hụi khui 230.000 đồng, bà H đóng 770.000 đồng.

+ Ngày 22/8/2023 âm lịch, hụi khui 250.000 đồng, bà H đóng 750.000 đồng.

Tổng cộng bà H đã đóng hụi cho bà D là 27.750.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Khi chơi hụi, bà D có đưa cho các hụi viên Danh sách hụi viên, trong đó ghi tên bà H là "5 N" do chồng bà H tên N và thứ 5 trong gia đình. Tháng 9/2023 âm lịch, bà D tuyên bố vỡ hụi nên bà H không đóng hụi tiếp cho bà D, bà D còn nợ tiền hụi của bà H tổng cộng là 27.750.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà H đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà D không trả số tiền hụi trên cho bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền hụi tổng cộng là 27.750.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn bà D đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do vắng mặt nhiều lần, không có lý do tại các phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà D trả cho bà H số tiền hụi tổng cộng là 27.750.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D trả số tiền hụi còn nợ lại; bà D đang cư trú tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn bà D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H:

Theo bà H trình bày thì từ năm 2022 âm lịch đến năm 2023 âm lịch bà H có tham gia chơi 02 dây hụi do bà D làm chủ và bà D còn nợ lại bà số tiền hụi tổng cộng là 27.750.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng đến nay chưa trả nên bà khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà H là 02 Danh sách hụi viên của 02 dây hụi, cụ thể: dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 15/3/2022 âm lịch, gồm 26 phần, tên hụi viên có "5 N" tham gia 02 phần và dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 22/4/2022 âm lịch, gồm 25 phần, tên hụi viên có "5 n" tham gia 01 phần. Bà H trình bày thì dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 15/3/2022 âm lịch thì bà đã hốt 01 phần (không nợ hụi chết của bà D), còn lại 01 phần thì bà đã đóng hụi cho bà D từ ngày 15/3/2022 âm lịch đến ngày 15/8/2023 âm lịch với số tiền tổng cộng là 14.250.000 (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng nên bà D có nợ tiền hụi của bà tổng cộng là 14.250.000 (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng; đối với dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 22/4/2022 âm lịch thì bà đã đóng hụi cho bà D từ ngày 22/4/2022 âm lịch đến ngày

22/8/2023 âm lịch với số tiền tổng cộng là 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng nên bà D có nợ tiền hụi của bà tổng cộng là 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Theo các biên bản xác minh ngày 04/3/2025 thì bà Phạm Thị Đ và bà Trần Thị N1 đều xác nhận các bà và bà H có tham gia chơi 02 dây hụi trên, trong đó dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 15/3/2022 âm lịch thì bà H tham gia 02 phần, đã hốt 01 phần, còn lại 01 phần chưa hốt và dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 22/4/2022 âm lịch thì bà H tham gia 01 phần, đến nay chưa hốt hụi; đến tháng 9/2023 thì bà D vỡ hụi; khi chơi hụi, bà D có giao cho các hụi viên 02 Danh sách hụi viên, chính là 02 Danh sách hụi viên mà bà H đã cung cấp cho Tòa án, trong 02 Danh sách hụi viên ghi tên bà H là "5 N" do chồng bà H tên N và thứ 5 trong gia đình. Các xác nhận này phù hợp với lời trình bày của bà H. Tòa án đã nhiều lần mời bà D đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng bà D đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Do đó, có cơ sở xác định bà H có tham gia chơi 02 dây hụi do bà D làm chủ là dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 15/3/2022 âm lịch và dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 22/4/2022 âm lịch, bà D còn nợ tiền hụi của bà H tổng cộng là 27.750.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, bà H không yêu cầu tính lãi nên được ghi nhận.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà D trả cho bà H số tiền hụi còn nợ lại tổng cộng là 27.750.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, buộc bà D trả cho bà H số tiền hụi còn nợ lại tổng cộng là 27.750.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.387.500 (một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng do bà D phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền hụi còn nợ lại tổng cộng là 27.750.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, ghi nhận nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.387.500 (một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng do bị đơn bà Nguyễn Thị D phải nộp.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 693.000 (sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004340 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến